

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-4-2021.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Việt Hùng;
2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 692/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Hiền A, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hồng N, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp Đông T1, xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-11-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Hiền A trình bày:

Chị và anh Lê Hồng N chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn vào ngày 14-02-2011 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện.

Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh N là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh N đánh bài và sử dụng ma túy nên vợ, chồng cự cãi,

gây gỗ và đánh nhau 02 lần. Chị và anh N đã sống ly thân khoảng 07, 08 năm. Nay tình cảm, hạnh phúc, vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 cháu tên Trương Chí V, sinh ngày 03-12-2011, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Hồng N nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Hiền A đối với anh Lê Hồng N; về con chung: Giao cháu Trương Chí V, sinh ngày 03-12-2011 cho chị Hiền A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị Hiền A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: Chị Hiền A không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị Hiền A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Hiền A là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Hồng N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Hiền A và anh N.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Hiền A và anh Lê Hồng N chung sống vợ, chồng và đăng ký kết hôn ngày 14-02-2011 tại Ủy ban Nhân dân xã Tân Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy, trong thời gian chung sống, giữa chị Hiền A và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh N đánh bài và sử dụng ma túy nên vợ, chồng cự cãi, gây gổ và đánh nhau. Chị Hiền A và anh N đã sống ly thân khoảng 07, 08 năm (BL số 29, 35). Xét tình cảm vợ, chồng giữa chị Hiền A và anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hiền A đối với anh N, cho chị Hiền A được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên Trương Chí V, sinh ngày 03-12-2011, hiện đang sống với chị Hiền A. Chị Hiền A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh N đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, cháu V đang sinh sống ổn định với chị Hiền A và có nguyện vọng được sống chung với mẹ, do đó giao cháu V cho chị Hiền A nuôi dưỡng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị Hiền A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hiền A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hiền A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Hiền A đối với anh **Lê Hồng N**. Chị Trương Hiền A được ly hôn với anh **Lê Hồng N**.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Chí V, sinh ngày 03-12-2011 **cho** chị Trương Hiền A **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**. Ghi nhận chị Trương Hiền A tự nguyện không yêu cầu anh **Lê Hồng N** cấp dưỡng nuôi con. Anh **Lê Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Hiền A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Hiền A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số

0001341, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Hiền A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Đ;.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đức Dũng